

KARL BARTH

Người đã làm sống lại tính chính thống khi mà đơn thuần đạo đức học và chủ nghĩa nhân văn dường như đã chiếm lĩnh thế giới thần học

MARK GALLI^(*)

"Một ngày nào đó khi tôi xuất hiện trước Chúa - Barth nói - tôi sẽ không mang theo những gì mình đã làm trong đời, không mang theo những tập sách của bộ Giáo lí của tôi trên lưng. Tất cả các thiên thần sẽ cười tôi. Nhưng tôi sẽ không nói: Tôi đã luôn luôn có ý định tốt. Tôi đã có thiện ý. Không, tôi chỉ nói một điều: Lạy Chúa, xin hãy nhân từ với con, một người có tội đáng thương.

"Phúc âm không phải là một chân lí trong số các chân lí khác. Trái lại, nó đặt dấu hỏi đối với mọi chân lí". Karl Barth không chỉ nói thế mà còn dành cả cuộc đời để nêu lên những câu hỏi này, nhân danh Chúa Giêsu, chống lại mọi loại "chân lí". Trong khi thực hiện công việc ấy, ông không làm gì hơn là thay đổi tiến trình của thần học hiện đại.

Ông bắt đầu cuộc đời khá bình thường: sinh năm 1886 ở Basel thuộc Thụy Sĩ, là con trai của Fritz Barth (một giáo sư ở Bern dạy Tân ước và lịch sử thời ban đầu của Giáo hội) và Anna Sartorius. Ông đã học tại những trường đại học nổi tiếng nhất: Bern, Berlin, Tübingen và Marburg. Ở Berlin ông được nghe các bài giảng của những người theo thuyết tự do nổi tiếng (như nhà sử học Adolf Harnack). Hầu hết họ đều dạy về một đạo Kitô lạc quan không tập trung nhiều vào Giêsu và Thánh giá mà nói nhiều đến việc Chúa Trời là cha và mọi người là anh em.

Sau khi phục vụ ở nhà thờ Geneva từ năm 1909 đến 1911, Barth được cử đến một giáo xứ của giới lao động Thụy Sĩ.

Năm 1913 ông kết hôn với Nell Hoffman, một nữ nhạc công violông có tài (họ có một con gái và bốn con trai).

Là một mục sư, ông đã lo sợ nhận thấy không chỉ nước Đức, láng giềng gần gũi của Thụy Sĩ, đang ngày càng trở nên quân phiệt, mà ngay cả các vị thầy trước đây của ông cũng ra sức ủng hộ cho sự phát triển này. Bực tức trước tình trạng suy thoái về đạo đức của thuyết thần học tự do, Barth lao vào nghiên cứu Kinh Thánh, nhất là những bức thư của Thánh Paul gửi cho những người La Mã để tìm hiểu xem nó có những hàm nghĩa gì. Ông cũng đi thăm nhà thuyết giáo Christoph Blumhart ở Moravian và trở nên tin hẳn vào tính chân thực vô địch của Chúa Kitô phục sinh.

Qua việc nghiên cứu này, năm 1918, ông viết *Commentary on the Epistle to the Romans (Bình luận về những bức thư gửi cho người La Mã)*. Ông đã nêu lên một vài chủ đề mà thần học tự do không nói đến. Ví dụ, thần học tự do đã biến Chúa Trời thành vị thánh bảo hộ cho các thể chế và các giá trị của con người. Trái lại, Barth viết về "cuộc khủng hoảng" tức sự phán xử của Chúa Trời là cái chi phối toàn thế giới. Ông chủ trương Chúa Trời có quyền tối cao tuyệt đối và hoàn toàn tự do trong việc khởi xướng sự khám phá của mình ở Giêsu.

Ông nói một cách biện chứng bằng những nghịch lí để bắt người đọc nhìn

*. Biên tập viên Tạp chí *Lịch sử Thiên Chúa giáo*. Bài đăng trong: *Christian History*, số 56.

thấy cái bản chất cơ bản của Phúc âm: “Đức tin là nỗi kính sợ trước cái không biết thiêng liêng; chính tình yêu Chúa khiến người ta nhận biết được sự khác biệt về chất giữa Chúa với con người và giữa Chúa với thế giới”.

Bản đầu tiên trong 6 lần xuất bản có sửa chữa lại rất nhiều được ấn hành vào năm 1922 đã làm rung chuyển cả cộng đồng thần học. Các nhà thần học tự do sửng sốt và công kích Barth dữ dội bởi vì trong tác phẩm này và cả các tác phẩm sau đó ông đã đả phá thái độ lạc quan dễ dãi của họ.

Để đáp lại các quan niệm dễ dãi của họ về loài người, Barth viết: “Con người xưa nay chưa bao giờ tốt, họ đang không tốt và sẽ không bao giờ tốt cả”.

Chống lại khuynh hướng tự do xem Giêsu là một vị thầy tôn giáo, Barth nói “Giêsu không hề dạy con đường đến với Chúa như các vị thầy tôn giáo khác. Bản thân Người là đạo (con đường)”.

Vào năm 1921, Barth được bổ nhiệm làm giáo sư thần học cải cách tại trường đại học Göttingen và sau đó là giáo sư tại trường đại học Münster (1925) và Bonn (1930). Ông xuất bản nhiều tác phẩm phê phán thần học Tin Lành thế kỷ XIX và cho ra đời một công trình nghiên cứu nổi tiếng về Anselm.

Năm 1931, ông bắt đầu viết quyển đầu tiên trong bộ sách đồ sộ *The Church Dogmatics (Giáo lí của Giáo hội)*. Bộ sách này được bổ sung hàng năm qua những bài giảng của ông trên lớp. Mặc dù chưa hoàn thành, nhưng cuối cùng nó cũng gồm bốn tập với 12 phần, mỗi tập có từ 500 đến 700 trang. Nhiều mục sư trong những năm 30, 40 và 50, thất vọng không tìm thấy thuốc giải độc cho chủ nghĩa tự do, đã háo hức chờ đợi từng tập sách in ra.

Thần học của ông sau đó được gọi là “Thần học biện chứng” hay “Thần học của sự khủng hoảng”; nó được phát huy thành một trường phái thần học gọi là

Tân chính thống, và đã ảnh hưởng đến thần học trong nhiều thập kỉ, kể cả đến các nhà tư tưởng như Emil Brunner và Reinhold Niebuhr. Nhiều nhà thần học Công giáo (như Hans Kung) và Tin Lành (như Donald Bloesch) đã thừa nhận họ chịu ảnh hưởng cơ bản của Barth.

Không phải ai cũng tán phục ông. Về phía các nhà tự do, họ chế nhạo ông là một người theo chính thống luận bám sát Kinh Thánh, phái những người bảo thủ thì ngạc nhiên về tính chính thống của Barth bởi tại sao ông không xem Kinh Thánh “là không thể sai lầm” (trái lại, ông tin rằng chỉ Giêsu là không thể sai lầm). Những người khác cho rằng thần học của Barth quá cường điệu tính siêu việt của Chúa, làm cho Chúa có vẻ hoàn toàn xa cách, thậm chí một số người còn biện luận rằng Chúa Trời thực tế biểu lộ sự có mặt của mình trong tự nhiên và trong lịch sử (điều mà ngay từ ban đầu Barth đã phản đối kịch liệt).

Nhìn chung, Barth ngạc nhiên trước những làn sóng mà ông gây nên. Sau này trong đời ông đã viết: “Khi tôi nhìn lại đường đi của mình, tôi cảm thấy mình như một kẻ đang treo trên cái cầu thang tối tăm của một ngọn tháp nhà thờ và để cho vững anh ta cố nắm lấy lan can nhưng lại nắm phải dây chuông. Anh ta hoảng sợ khi nghe thấy tiếng chuông đánh rất to trên đầu mình và không chỉ trên đầu mình mà thôi”.

Barth đấu tranh không chỉ chống lại những người tự do mà còn chống lại những người bạn, những người không công nhận một vài kết luận cực đoan của ông. Khi Brunner cho rằng Chúa Trời biểu lộ không chỉ trong Kinh Thánh mà cả trong tự nhiên (mặc dù không phải theo cách cứu vớt), Barth đã trả lời điều này bằng một bài báo năm 1934 nhan đề “*Không! Câu trả lời dành cho Emil Brunner*”. Barth tin rằng loại “thần học tự nhiên” như thế là gốc rễ của hỗn đồng luận tôn giáo và của chủ nghĩa bài xích

Do Thái của German Christian (“Người Kitô giáo Đức” gồm những kẻ ủng hộ chủ nghĩa dân tộc của Hitle. Sau này trong đời, ông đã làm giảm nhẹ các quan niệm của mình và hoà giải với Brunner).

Vào thời gian ấy Barth tham gia vào cuộc đấu tranh trong Giáo hội Đức. Ông là người sáng lập cái gọi là *Giáo hội Xung tội* nhằm phản đối tư tưởng “máu và đất” và những mưu toan của chủ nghĩa phát xít nhằm tạo ra một giáo hội “Người Kitô giáo Đức”. Bản *Tuyên bố Barmen* năm 1934, dựa chủ yếu vào bản khởi thảo của Barth, đã đem sự khải phát của Giêsu ra chống lại “chân lí” của Hitle và chủ nghĩa quốc xã:

“Giêsu Corít là Phúc Âm duy nhất. Chúng tôi bác bỏ học thuyết sai lầm cho rằng ngoài và bên cạnh Phúc Âm duy nhất ấy ra, Giáo hội có thể và cần phải thừa nhận là nguồn gốc của tuyên ngôn của nó cả các biến cố và các quyền lực, các hình tượng và các điều có thực khác được xem như là sự khải phát của Chúa”.

Khi Barth từ chối tuyên thệ trung thành vô điều kiện với Quốc trưởng, ông bị mất chỗ làm ở Bonn. Quê hương ông Basel phong cho ông chức giáo sư thần học và từ đó ông tiếp tục đấu tranh cho sự nghiệp của Giáo hội Xung tội, cho người Do Thái và cho những người bị áp bức ở khắp mọi nơi.

Sau chiến tranh, Barth cũng thường xuyên đi thăm nhà tù ở Basel. Những bài giảng đạo của ông cho tù nhân, cuốn *Deliverance to the captives (Sự giải thoát đối với những người tù)*, thể hiện sự kết hợp giữa tình cảm của người theo phái Phúc Âm với sự quan tâm xã hội tiêu biểu cho cả cuộc đời ông.

Mặc dù những năm cuối đời tương đối lặng lẽ nhưng Barth vẫn là một trong những nhà thần học quan trọng nhất của

thế kỉ XX. Khi thần học đạo đức và nhân văn có vẻ như đã chiếm lĩnh toàn bộ cộng đồng Kitô giáo, thì Barth chỉ ra rằng những người Kitô giáo - chủ yếu là những người theo phái Phúc Âm và những người Công giáo - vẫn tiếp tục tôn trọng Kinh Thánh.

Mốc thời gian

1886 Karl Barth sinh ra ở Basel, Thụy Sĩ.

1901 Adolf Harnack xuất bản cuốn *What is Christianity?*, một cách diễn đạt ngắn gọn của *Thần học tự do*.

1911 Barth làm mục sư tại một nhà thờ ở Safewil (Aargau)

1914 - 1918 Chiến tranh thế giới lần thứ I

1918 Lần đầu xuất bản cuốn *Romans* của Barth

1921 Barth trở thành giáo sư tại trường đại học Gottingen, Munster (1925) và Bonn (1930).

1932 Xuất bản tập đầu của cuốn *The Church Dogmatics*, ông tiếp tục viết các tập tiếp theo đến tận cuối đời.

1934 Chuẩn bị tài liệu để viết *Barmen Declaration*

1935 Bị thải hồi vì không chịu tuyên thệ trung thành với Hitle; trở thành giáo sư ở Basel.

1946 Rudolf Bultmann xuất bản cuốn *Jesus Christ and Mythology*.

1948 Buổi họp đầu tiên của World Council of Churches.

1962 Barth thăm nước Mỹ

1968 Barth qua đời.

1977 Tập cuối của bộ sách *The Church Dogmatics* được xuất bản.

Người dịch: Phan Tường Vân